

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Luật Phòng thủ dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 20/6/2023; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 05/2023/L-CTN ngày 30/6/2023; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT¹

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã đặt ra nhiệm vụ tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng nhằm nâng cao năng lực ứng phó với các sự cố, thảm họa, giảm thiểu thiệt hại góp phần củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân trong tình hình mới. Nghị quyết yêu cầu “*Sau năm 2010, xây dựng mới các đạo luật về phòng thủ dân sự, giáo dục quốc phòng, bảo vệ các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia, chống khủng bố...*”.

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới, đã xác định xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thành khu vực phòng thủ vững chắc, là bộ phận hợp thành hệ thống phòng thủ chung của Quân khu và cả nước giữ vị trí chiến lược quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị. Theo đó, nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng dự án Luật điều chỉnh về phòng thủ dân sự được đưa vào Kế hoạch do Chính phủ chủ trì thực hiện trong năm 2022.

- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII tại

¹ Tờ trình số 322/TTr-CP ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ về Dự án Luật Phòng thủ dân sự.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh một số quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển của đất nước, trong đó yêu cầu *“Chú trọng an ninh, an toàn là một trong những yếu tố hàng đầu trong cuộc sống của người dân. Xác định “chủ động phòng ngừa” là chính. Ứng phó kịp thời, hiệu quả với các đe dọa an ninh phi truyền thống, nhất là nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh”*.

- Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 30/8/2022 của Bộ Chính trị về phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo đặt ra mục tiêu đến năm 2025 là *“Xây dựng Luật Phòng thủ dân sự và các văn bản pháp luật liên quan, trong đó chú trọng bổ sung cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, chủ trương chính sách trưng thu, trưng dụng, huy động lực lượng, phương tiện, vật chất cho nhiệm vụ phòng thủ dân sự, đặc biệt trong lĩnh vực phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh, thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, nguy hiểm...; tập trung xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược phòng thủ dân sự”* (Mục III.2.1) và một trong các nhiệm vụ hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng thủ dân sự là *“Khẩn trương xây dựng Luật Phòng thủ dân sự; rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự; đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ phòng thủ dân sự trong tình hình mới”* (Mục IV.3).

2. Cơ sở pháp lý

- Nhiều quy định về phòng thủ dân sự liên quan đến quyền con người, quyền công dân nhưng được quy định bằng văn bản dưới luật, có văn bản thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng do chưa đủ điều kiện nên trước mắt đã ban hành nghị định để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội². Những quy định này chưa bảo đảm nguyên tắc hiến định *“Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”* tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp 2013.

- Khoản 1 Điều 13 Luật Quốc phòng năm 2018 quy định *“Phòng thủ dân sự là bộ phận của phòng thủ đất nước bao gồm các biện pháp phòng, chống chiến tranh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân”*. Theo đó,

² Nghị định số 30/2010/NĐ-CP ngày 29/3/2010 của Chính phủ về huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 130/2015/NĐ-CP ngày 18/12/2015; Nghị định số 145/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ về huy động nhân lực, cơ sở hạ tầng viễn thông bổ sung cho lực lượng Thông tin liên lạc thường trực của Quân đội; Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 của Chính phủ về phòng thủ dân sự; Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

phòng thủ dân sự có phạm vi rất rộng, bao gồm tổng thể các hoạt động được chuẩn bị từ thời bình và khi có chiến tranh, thảm họa, sự cố xảy ra để chủ động bảo đảm an toàn, hạn chế, khắc phục thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước, Nhân dân. Cụ thể hóa quy định về phòng thủ dân sự trong Luật Quốc phòng, Chính phủ đã ban hành và triển khai thực hiện Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 về Phòng thủ dân sự. Bên cạnh đó, có nhiều văn bản pháp luật trong các lĩnh vực cụ thể có quy định liên quan đến hoạt động phòng thủ dân sự nhưng các văn bản này chỉ áp dụng cho từng lĩnh vực cụ thể, chưa có tính bao quát, thống nhất, toàn diện để áp dụng chung đặt ra yêu cầu khắc phục để tạo lập khung pháp lý đầy đủ, toàn diện cho hoạt động phòng thủ dân sự³.

3. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, công tác phòng thủ dân sự từng bước được hoàn thiện cả về thể chế và tổ chức thực hiện, cơ bản đáp ứng yêu cầu phòng, chống, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, góp phần to lớn vào việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhân dân, tạo môi trường ổn định phát triển KT - XH. Bên cạnh những kết quả đạt được còn một số vấn đề đặt ra, cần phải luật hóa để tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động thực tiễn. Cụ thể:

- Pháp luật hiện hành chưa quy định rõ ràng các cấp độ thảm họa, sự cố để làm cơ sở xác định các biện pháp ứng phó. Việc quy định các biện pháp ứng phó cũng chưa có sự thống nhất: Có văn bản quy định biện pháp theo cấp độ, có văn bản quy định theo quy mô, đơn vị hành chính hoặc theo trách nhiệm, thẩm quyền của từng cơ quan, có văn bản liệt kê theo loại dịch bệnh, có văn bản quy định liệt kê các biện pháp để tùy thuộc tình hình cơ quan có trách nhiệm lựa chọn áp dụng biện pháp thích hợp,... dẫn đến khó khăn trong công tác triển khai thực hiện⁴.

- Thực tiễn công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh thời gian qua, nhất là đối với thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm, quy mô lớn cho thấy nhiều biện pháp đã được quy định nhưng chưa đủ, chưa phù hợp và hiệu quả; nhiều biện pháp chưa được pháp luật quy định nhưng do yêu cầu cấp thiết đã được áp dụng và phát huy hiệu quả, như: Giãn cách xã hội, bắt buộc sơ tán người, tài sản để bảo đảm an toàn, lực lượng phòng, chống, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, nguồn lực, chính sách an sinh xã hội, khôi phục kinh tế,... Thực tiễn cũng đòi hỏi phải

³ Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Luật Phòng cháy và Chữa cháy, Luật Năng lượng nguyên tử, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Giao thông đường bộ,... và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

⁴ Luật Phòng chống thiên tai quy định 05 cấp độ rủi ro thiên tai, Luật Môi trường phân chia thảm họa, sự cố theo cấp hành chính, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm chia theo nhóm bệnh truyền nhiễm nhưng các quy định này không phải cấp độ thảm họa, sự cố.

có những biện pháp có tính chuyên tiếp trước khi xã hội chuyển sang tình trạng khẩn cấp (giai đoạn tiền khẩn cấp) cần được luật hóa để có cơ sở pháp lý và thực hiện đồng bộ, thống nhất.

- Xuất phát từ nội hàm khái niệm phòng thủ dân sự rộng nên chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự bao trùm hết chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức phối hợp liên ngành khác ở trung ương về phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh⁵. Cụ thể: Về vị trí, tính chất các tổ chức này là các tổ chức phối hợp liên ngành, có chức năng tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (ở Trung ương), cơ quan hành chính (bộ, ngành, địa phương) trong việc tổ chức, chỉ đạo, điều hành hoạt động phòng thủ dân sự. Về nhiệm vụ, các tổ chức này đều thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, điều phối. Về thành phần các tổ chức chỉ đạo, chỉ huy cấp quốc gia thì lãnh đạo của các tổ chức phối hợp liên ngành đều là lãnh đạo Chính phủ (Thủ tướng hoặc Phó Thủ tướng), thành viên là Bộ trưởng các Bộ có liên quan, trong đó nòng cốt là các Bộ: Quốc phòng, Công an, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Y tế. Sự trùng lặp về vị trí, chức năng, nhiệm vụ dẫn đến khi có thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, các tổ chức chỉ đạo, chỉ huy đều vào cuộc, gây lúng túng cho các cơ quan, đơn vị trực tiếp thực thi nhiệm vụ.

- Hệ thống tổ chức chỉ đạo phòng thủ dân sự ở cấp trung ương, chỉ huy ở các bộ, ngành và địa phương hiện nay không thống nhất⁶. Ở trung ương (cấp quốc gia) tồn tại độc lập nhiều cơ quan, tổ chức chỉ đạo, chỉ huy (Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai, Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn,...), trong khi đó, cấp bộ, ngành trung ương và địa phương đã hợp nhất các tổ chức chỉ đạo, chỉ huy thành một tổ chức duy nhất là Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn đồng thời là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Chỉ đạo hoặc Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp trên. Sự thiếu đồng bộ này khiến cho công tác chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự khó thông suốt, lúng túng trong quá trình triển khai.

⁵ Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai, Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Ủy ban An toàn giao thông quốc gia, Ban Chỉ đạo về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng, Ban Chủ nhiệm Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích, Ban Chỉ đạo quốc gia phòng chống Covid-19,...

⁶ Tại các bộ, ngành trung ương, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn đồng thời là Ban Chỉ huy PTDS, chịu sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo PTDS quốc gia. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn cấp tỉnh đồng thời là Ban Chỉ huy PTDS cấp tỉnh, chịu sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo PTDS quốc gia. Tại cấp huyện, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn cấp huyện đồng thời là Ban Chỉ huy PTDS, chịu sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy PTDS cấp tỉnh. Tại cấp xã, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn của cấp xã đồng thời là Ban Chỉ huy PTDS cấp xã chịu sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy PTDS cấp huyện.

- Một số loại thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh có diễn biến nhanh, đòi hỏi phải huy động lực lượng và tổ chức ứng phó kịp thời, khẩn trương; những thảm họa, sự cố nguy hiểm cần huy động thêm lực lượng chuyên môn của cơ quan trong các ngành, lĩnh vực; tuy nhiên quy định về chức năng, nhiệm vụ, vai trò của lực lượng chuyên trách, của chính quyền chưa thực sự rõ ràng gây khó khăn trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Ngoài ra, phòng thủ dân sự là lĩnh vực được nhiều quốc gia trên thế giới hết sức coi trọng và đã ban hành đạo luật riêng về phòng thủ dân sự hoặc quy định tại các văn bản pháp luật liên quan đến phòng thủ dân sự, như: Nga, Mỹ, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản, Philippin, Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Singapore... Các đạo luật về phòng thủ dân sự ở các quốc gia này thể hiện rõ khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức, sử dụng lực lượng, công tác chuẩn bị bảo đảm cho các lực lượng tham gia nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

Từ các lý do nêu trên, việc xây dựng Luật Phòng thủ dân sự là rất cần thiết, nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo điều kiện cho việc chủ động phòng, chống, ứng phó hiệu quả với các thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm an ninh, an toàn cho đất nước khi có tình huống xảy ra.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Luật Phòng thủ dân sự gồm 7 chương, 55 điều, cụ thể như sau:

1. Chương I: Những quy định chung, gồm 10 điều (từ Điều 1 đến Điều 10), quy định về: (1) phạm vi điều chỉnh; (2) giải thích từ ngữ; (3) nguyên tắc hoạt động phòng thủ dân sự; (4) áp dụng Luật Phòng thủ dân sự và pháp luật có liên quan; (5) chính sách của Nhà nước về phòng thủ dân sự; (6) thông tin về sự cố, thảm họa; (7) cấp độ phòng thủ dân sự; (8) khoa học và công nghệ trong phòng thủ dân sự; (9) hợp tác quốc tế trong phòng thủ dân sự; (10) các hành vi bị nghiêm cấm.

2. Chương II: Hoạt động phòng thủ dân sự, gồm 04 mục, cụ thể:

- *Mục 1: Hoạt động phòng ngừa*, gồm 07 điều (từ Điều 10 đến Điều 17), quy định về: (1) xây dựng Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự; (2) xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự; (3) công trình phòng thủ dân sự; (4) trang thiết bị phòng thủ dân sự; (5) hoạt động theo dõi, giám sát nguy cơ về sự cố, thảm họa; (6) tuyên truyền, giáo dục về phòng thủ dân sự; (7) đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập phòng thủ dân sự.

- *Mục 2: Hoạt động phòng thủ dân sự khi có nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa*, gồm 02 điều (Điều 18 và Điều 19), quy định về: (1) Biện pháp

được áp dụng khi có nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa; (2) chuẩn bị lực lượng, trang thiết bị.

- *Mục 3: Hoạt động phòng thủ dân sự khi xảy ra sự cố, thảm họa, gồm 07 điều (từ Điều 20 đến Điều 26), quy định về: (1) thẩm quyền ban bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự; (2) thẩm quyền điều động, huy động lực lượng, trang thiết bị, tài sản; (3) biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 1; (4) biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 2; (5) biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 3; (6) biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; (7) biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng chiến tranh.*

- *Mục 4: Hoạt động khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa, gồm 07 điều (từ Điều 27 đến Điều 30), quy định về: (1) biện pháp khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa; (2) thống kê, đánh giá thiệt hại; (3) cứu trợ, hỗ trợ khắc phục thiệt hại; (4) huy động, vận động đóng góp tự nguyện và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ.*

3. Chương III: Chỉ đạo, chỉ huy, lực lượng phòng thủ dân sự, gồm 5 điều (từ Điều 31 đến Điều 35), quy định về: (1) Hoạt động chỉ đạo phòng thủ dân sự; (2) thẩm quyền chỉ đạo phòng thủ dân sự; (3) chỉ huy lực lượng phòng thủ dân sự; (4) cơ quan chỉ đạo quốc gia, cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự; (5) lực lượng phòng thủ dân sự.

4. Chương IV: Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động phòng thủ dân sự, gồm 3 điều (từ Điều 36 đến Điều 38), quy định về: (1) Quyền và nghĩa vụ của cá nhân; (2) quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức; (3) quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế trong phòng thủ dân sự.

5. Chương V: Nguồn lực cho phòng thủ dân sự, chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự, gồm 3 điều (từ Điều 39 đến Điều 41) quy định về: (1) nguồn lực cho phòng thủ dân sự; (2) quỹ phòng thủ dân sự; (3) chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự.

6. Chương VI: Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về phòng thủ dân sự, gồm 12 điều (từ Điều 42 đến Điều 53), quy định về: (1) Nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự; (2) Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; (3) Trách nhiệm của Bộ Công an; (4) Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (5) Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải; (6) Trách nhiệm của Bộ Tài chính; (7) Trách nhiệm của Bộ Y tế; (8) Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường; (9) Trách nhiệm của Bộ Công Thương; (10) Trách nhiệm của Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ; (11) Trách nhiệm của

chính quyền địa phương; (12) Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

7. Chương VII: Điều khoản thi hành, gồm 02 điều (*Điều 54 và Điều 55*), quy định về: (1) sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan đến phòng thủ dân sự; (2) hiệu lực thi hành.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG THỦ DÂN SỰ

1. Những quy định chung

1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật Phòng thủ dân sự quy định về nguyên tắc, hoạt động phòng thủ dân sự; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động phòng thủ dân sự; quản lý nhà nước và nguồn lực bảo đảm thực hiện phòng thủ dân sự.

1.2. Nguyên tắc hoạt động phòng thủ dân sự (Điều 3)

Luật quy định 07 nguyên tắc phòng thủ dân sự, gồm:

(1) Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

(2) Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; phát huy vai trò, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể và Nhân dân.

(3) Được tổ chức thống nhất từ trung ương đến địa phương; có sự phân công, phân cấp, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức và lực lượng trong hoạt động phòng thủ dân sự.

(4) Phòng thủ dân sự phải chuẩn bị từ sớm, từ xa, phòng là chính; thực hiện phương châm bốn tại chỗ kết hợp với chi viện, hỗ trợ của trung ương, địa phương khác và cộng đồng quốc tế; chủ động đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa, xác định cấp độ phòng thủ dân sự và áp dụng các biện pháp phòng thủ dân sự phù hợp để ứng phó, khắc phục kịp thời hậu quả chiến tranh, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, ổn định đời sống Nhân dân.

(5) Kết hợp phòng thủ dân sự với bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhân dân, bảo vệ môi trường, hộ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

(6) Việc áp dụng các biện pháp, huy động nguồn lực trong phòng thủ dân sự phải kịp thời, hợp lý, khả thi, hiệu quả, tránh lãng phí và phù hợp với đối tượng, cấp độ phòng thủ dân sự theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

(7) Hoạt động phòng thủ dân sự phải bảo đảm tính nhân đạo, công bằng, minh bạch, bình đẳng giới và ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương.

1.3. Thông tin về sự cố, thảm họa (Điều 6)

Thông tin về nguy cơ và diễn biến của sự cố, thảm họa phải kịp thời, chính xác, được truyền tải bằng ngôn ngữ tiếng Việt và ngôn ngữ khác phù hợp với từng loại đối tượng, nhất là đối tượng dễ bị tổn thương. Trường hợp cần thiết được truyền tải bằng tiếng dân tộc thiểu số và tiếng nước ngoài.

Thông tin cơ bản về sự cố, thảm họa bao gồm loại sự cố, thảm họa; thời gian địa điểm, cường độ, cấp độ, mức độ nguy hiểm của sự cố, thảm họa; dự kiến khu vực ảnh hưởng, dự báo diễn biến của sự cố, thảm họa, cảnh báo và khuyến cáo các biện pháp ứng phó.

Đặc biệt, Luật quy định giao Chính phủ quy định việc sử dụng chung 01 số điện thoại để tiếp nhận thông tin về sự cố, thảm họa trên phạm vi toàn quốc.

1.4. Cấp độ phòng thủ dân sự (Điều 7)

Luật quy định 03 cấp độ phòng thủ dân sự, gồm:

(1) *Phòng thủ dân sự cấp độ 1*: được áp dụng để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa trong phạm vi địa bàn cấp huyện, khi diễn biến, mức độ thiệt hại của sự cố, thảm họa vượt quá khả năng, điều kiện ứng phó, khắc phục hậu quả của lực lượng chuyên trách và chính quyền địa phương cấp xã.

(2) *Phòng thủ dân sự cấp độ 2*: được áp dụng để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa trong phạm vi địa bàn cấp tỉnh, khi diễn biến, mức độ thiệt hại của sự cố, thảm họa vượt quá khả năng, điều kiện ứng phó, khắc phục hậu quả của chính quyền địa phương cấp huyện.

(3) *Phòng thủ dân sự cấp độ 3*: được áp dụng để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa trên địa bàn một hoặc một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khi diễn biến, mức độ thiệt hại của sự cố, thảm họa vượt quá khả năng, điều kiện ứng phó, khắc phục hậu quả của chính quyền địa phương cấp tỉnh.

1.5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng thủ dân sự (Điều 10)

Luật quy định **09** hành vi bị nghiêm cấm trong phòng thủ dân sự, gồm:

(1) Chống đối, cản trở, cố ý trì hoãn hoặc không chấp hành, sự chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự của cơ quan hoặc người có thẩm quyền; từ chối tham gia tìm kiếm, cứu nạn trong trường hợp điều kiện thực tế cho phép.

(2). Làm hư hỏng, phá hủy, chiếm đoạt trang thiết bị, công trình phòng thủ dân sự.

(3) Gây ra sự cố, thảm họa làm tổn hại đến tính mạng, sức khỏe con người; thiệt hại tài sản của Nhà nước, Nhân dân, cơ quan, tổ chức, môi trường và nền kinh tế quốc dân.

(4) Đưa tin sai sự thật về sự cố, thảm họa.

(5) Cố ý tạo chướng ngại vật cản trở hoạt động phòng thủ dân sự.

(6) Xây dựng công trình làm giảm hoặc làm mất công năng của công trình phòng thủ dân sự; xây dựng trái phép công trình trong phạm vi quy hoạch công trình phòng thủ dân sự, công trình phòng thủ dân sự hiện có.

(7) Sử dụng trang thiết bị phòng thủ dân sự chuyên dụng không đúng mục đích khai thác, sử dụng không đúng công năng của công trình phòng thủ dân sự chuyên dụng.

(8) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự; bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng thủ dân sự; lợi dụng sự cố, thảm họa để huy động, sử dụng nguồn lực cho phòng thủ dân sự không đúng mục đích.

(9) Lợi dụng hoạt động phòng thủ dân sự hoặc sự cố, thảm họa để xâm phạm lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Hoạt động phòng thủ dân sự

2.1. Xây dựng Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự; kế hoạch phòng thủ dân sự (Điều 11, Điều 12)

Luật quy định Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền ban hành chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự. Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự được xây dựng theo chu kỳ 10 năm, tầm nhìn 20 năm và được cập nhật, điều chỉnh định kỳ 05 năm hoặc khi xảy ra sự cố, thảm họa, chiến tranh.

Kế hoạch phòng thủ dân sự các cấp được xây dựng theo chu kỳ 05 năm và được điều chỉnh khi cần thiết. Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền ban hành, điều chỉnh Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia; Bộ trưởng, Trưởng ngành trung ương, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền ban hành, điều chỉnh kế hoạch phòng thủ dân sự của Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ban hành có thẩm quyền ban hành, điều chỉnh kế hoạch phòng thủ dân sự địa phương.

2.2. Biện pháp được áp dụng khi có nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa (Điều 18)

Khi có nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp được áp dụng biện pháp quy định tại các luật khác có liên quan và biện pháp sau đây:

(1) Hướng dẫn và thực hiện sơ tán người, tài sản đến khu vực an toàn; bảo đảm phương tiện, trang bị bảo vệ cá nhân, lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm thiết yếu khác cho người tại địa điểm sơ tán;

(2) Đặt biển báo hiệu, trạm gác và hạn chế người, phương tiện vào khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa;

(3) Ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng chuyên trách tiếp cận hiện trường để kịp thời tiến hành các biện pháp ứng phó với sự cố, thảm họa;

(4) Tạm dừng một số hoạt động có thể làm tăng nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa hoặc giảm hiệu quả các biện pháp ứng phó với sự cố, thảm họa;

(5) Chuẩn bị lực lượng, trang thiết bị sẵn sàng ứng phó sự cố, thảm họa.

2.3. Thẩm quyền ban bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự (Điều 20)

Luật quy định thẩm quyền, ban bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự như sau:

(1) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban bố, bãi bỏ phòng thủ dân sự cấp độ 1 trên địa bàn quản lý;

(2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban bố, bãi bỏ phòng thủ dân sự cấp độ 2 trên địa bàn quản lý;

(3) Thủ tướng Chính phủ ban bố, bãi bỏ phòng thủ dân sự cấp độ 3.

2.4. Thẩm quyền điều động, huy động lực lượng, trang thiết bị, tài sản (Điều 21)

Luật quy định về thẩm quyền điều động, huy động lực lượng, trang thiết bị, tài sản như sau:

- Bộ trưởng, Trưởng ngành trung ương, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định điều động, huy động lực lượng, trang thiết

bị, tài sản theo quy định của pháp luật để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định điều động, huy động lực lượng, trang thiết bị, tài sản của các cơ quan, tổ chức và người dân trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa.

- Trang thiết bị, tài sản được huy động để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa phải được hoàn trả ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ; trường hợp bị thiệt hại thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Trong trường hợp cấp thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi xảy ra sự cố, thảm họa đề nghị tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn quản lý hỗ trợ, giúp đỡ để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa.

2.5. Biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 1 (Điều 22)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định áp dụng biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 1. Biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 1 bao gồm:

(1) Sơ tán người, tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm;

(2) Bảo đảm phương tiện, trang bị bảo vệ cá nhân, lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm thiết yếu khác cho người trong khu vực xảy ra sự cố, thảm họa;

(3) Cấm, hạn chế người, phương tiện vào những khu vực nguy hiểm;

(4) Phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an ninh, trật tự tại khu vực xảy ra sự cố, thảm họa;

(5) Tiêu tủy, khử độc, khử khuẩn, vệ sinh môi trường;

(6) Bảo vệ công trình phòng thủ dân sự.

2.6. Biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 2 (Điều 23)

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định áp dụng biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 2. Biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 2 bao gồm:

(1) Các biện pháp áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 1;

(2) Cách ly, giãn cách xã hội phù hợp với mức độ của sự cố, thảm họa trên địa bàn;

(3) Chuyển đổi hình thức hoặc tạm dừng hoạt động của trường học; tạm dừng hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thiết yếu;

(4) Hạn chế hoặc tạm dừng tổ chức lễ hội, nghi lễ tôn giáo, giải đấu thể thao, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, sự kiện và hoạt động khác có tập trung đông người;

(5) Kiểm tra, kiểm soát hoạt động giao thông tại khu vực xảy ra sự cố, thảm họa;

(6) Áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

2.7. Biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 3 (Điều 24)

Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 3. Biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 3 bao gồm:

(1) Các biện pháp áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 1 và cấp độ 2;

(2) Cách ly lập trung, giãn cách xã hội phù hợp với mức độ của sự cố, thảm họa trên địa bàn;

(3) Tạm dừng hoạt động của trường học;

(4) Tạm dừng tổ chức lễ hội, nghi lễ tôn giáo, giải đấu thể thao, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, sự kiện và hoạt động khác có tập trung đông người;

(5) Hạn chế hoặc tạm dừng việc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh nếu thấy cần thiết để bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ sức khỏe cộng đồng;

(6) Hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động giao thông, vận tải ra, vào địa bàn xảy ra sự cố, thảm họa, trừ trường hợp vì lý do công vụ;

(7) Tạm dừng giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp; áp dụng giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến.

2.8. Biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp (Điều 25)

Biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp bao gồm:

- (1) Các biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 3;
- (2) Giãn cách xã hội; cách ly tập trung người đi và đến từ khu vực xảy ra thảm họa;
- (3) Hỗ trợ an sinh xã hội tại khu vực cách ly, khu vực bị chia cắt, khu vực xảy ra thảm họa;
- (4) Ổn định tâm lý của người dân trong khu vực xảy ra thảm họa;
- (5) Dừng hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở khu vực xảy ra thảm họa.

2.9. Biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng chiến tranh (Điều 26)

Biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng chiến tranh bao gồm:

- (1) Triển khai hệ thống đài quan sát, thông báo, báo động và cảnh báo;
- (2) Tổ chức sơ tán người, tài sản;
- (3) Cát giấu trang thiết bị vào các công trình ngầm, hang, động;
- (4) Dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nước uống;
- (5) Xây dựng bổ sung hầm ẩn nấp, công trình ngầm, công trình phòng, tránh kết hợp với ngụy trang, nghi binh; triển khai mục tiêu giả, hạn chế ánh sáng, tiếng động vào ban đêm;
- (6) Khắc phục, vô hiệu hóa vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Chỉ đạo, chỉ huy lực lượng phòng thủ dân sự

Luật quy định cụ thể về các hoạt động chỉ đạo phòng thủ dân sự; thẩm quyền chỉ đạo phòng thủ dân sự; chỉ huy lực lượng phòng thủ dân sự; Cơ quan chỉ đạo quốc gia, cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự; Lực lượng phòng thủ dân sự, theo đó, lực lượng phòng thủ dân sự bao gồm lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi (*lực lượng nòng cốt bao gồm có: (1) Dân quân tự vệ, dân phòng; (2) lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và của Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương. Lực lượng rộng rãi do toàn dân tham gia*).

4. Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong hoạt động phòng thủ dân sự

Luật quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động phòng thủ dân sự, trong đó:

4.1. Cá nhân có các quyền sau (khoản 1 Điều 36): (i) Tiếp cận thông tin về phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật; (ii) Được cứu trợ, hỗ trợ khi bị thiệt hại do sự cố, thảm họa theo quy định của pháp luật; (iii) Được hưởng tiền công lao động khi tham gia hoạt động phòng thủ dân sự theo quyết định huy động của người có thẩm quyền; (iv) Được hoàn trả trang thiết bị, tài sản đã huy động ngay sau khi kết thúc việc ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa; trường hợp trang thiết bị, tài sản đã huy động bị thiệt hại hoặc tiêu hao thì được bồi thường, thanh toán theo quy định của pháp luật; (v) Khi tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa nếu bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; nếu bị thương tích, tổn hại sức khỏe, tính mạng thì được xem xét, hưởng chế độ, chính sách theo quy định.

4.2. Cá nhân có các nghĩa vụ sau (khoản 2 Điều 36): (i) Thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự theo kế hoạch phòng thủ dân sự của địa phương; (ii) Tham gia hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện, diễn tập phòng thủ dân sự khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; tham gia hoạt động phòng thủ dân sự khi được huy động; (iii) Chuẩn bị sẵn sàng vật tư, phương tiện theo khả năng để đảm bảo an toàn trước sự cố, thảm họa; (iv) Chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả nhằm bảo đảm an toàn cho bản thân và gia đình khi sự cố, thảm họa xảy ra; tham gia hỗ trợ cộng đồng phòng, chống sự cố, thảm họa; giúp đỡ người bị thiệt hại do sự cố, thảm họa tại địa phương; thực hiện vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh trong khu vực sinh sống và làm việc; (v) Chấp hành hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền về sơ tán người, phương tiện ra, vào khu vực nguy hiểm; chấp hành quyết định huy động nhân lực, trang thiết bị, tài sản để phục vụ hoạt động ứng phó khẩn cấp của người có thẩm quyền; (vi) Thông báo, cung cấp thông tin kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền về diễn biến, thiệt hại do sự cố, thảm họa gây ra khi có điều kiện thực hiện.

4.3. Cơ quan, tổ chức có các quyền sau (khoản 1 Điều 37): (i) Tiếp cận thông tin về phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật; (ii) Tham gia hoạt động phòng thủ dân sự tại địa phương; (iii) Được cứu trợ, hỗ trợ khi bị thiệt hại do sự cố, thảm họa theo quy định của pháp luật; (iv) Được hoàn trả trang thiết bị, tài sản đã huy động ngay sau khi kết thúc việc ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa; trường hợp trang thiết bị, tài sản đã huy động bị thiệt hại hoặc tiêu hao thì được bồi thường, thanh toán theo quy định của pháp luật; (v) Tham gia, phối hợp thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng thủ dân sự.

4.4. Cơ quan, tổ chức có các nghĩa vụ sau (khoản 2 Điều 37): (i) Tuyên

truyền, vận động người lao động, thành viên trong cơ quan, tổ chức mình, người dân chấp hành quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự; (ii) Chủ động xây dựng, bảo vệ công trình, cơ sở vật chất thuộc phạm vi quản lý để đảm bảo an toàn trước sự cố, thảm họa; (iii) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa; (iv) Chấp hành quyết định huy động nhân lực, trang thiết bị, nhu yếu phẩm của người có thẩm quyền để phục vụ hoạt động phòng thủ dân sự; (v) Chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh trong phạm vi quản lý; (vi) Chủ động khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại khi để xảy ra sự cố, thảm họa trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

4.5. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa tại Việt Nam có các quyền sau (khoản 1 Điều 38):

- Được miễn thuế, lệ phí về nhập khẩu, xuất khẩu đối với trang thiết bị, hàng hóa phục vụ hoạt động cứu trợ khẩn cấp, tìm kiếm, cứu nạn theo quy định của pháp luật về thuế, lệ phí;

- Được ưu tiên thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú cho lực lượng; nhập khẩu, xuất khẩu đối với trang thiết bị, hàng hóa phục vụ hoạt động cứu trợ, tìm kiếm, cứu nạn theo quy định của pháp luật.

4.6. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa tại Việt Nam có các nghĩa vụ sau (khoản 2 Điều 38):

- Đăng ký hoạt động với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

- Hoạt động đúng mục đích đã đăng ký, tuân thủ pháp luật Việt Nam.

4.7. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam (khoản 3 Điều 38): Khi tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa có các quyền và nghĩa vụ như của cá nhân, cơ quan, tổ chức; tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế.

5. Nguồn lực cho phòng thủ dân sự, chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự

5.1. Nguồn lực cho phòng thủ dân sự (Điều 39)

- Nguồn tài chính cho phòng thủ dân sự bao gồm: (1) Ngân sách nhà nước; (2) Nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân; (3) Quỹ phòng thủ dân sự; (4) Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Tài sản phục vụ phòng thủ dân sự do Nhà nước thống nhất quản lý bao gồm: (1) Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị lực lượng vũ trang theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan; (2) Tài sản trưng mua, trưng dụng, huy động và tài sản khác được Nhà nước giao cho các cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị lực lượng vũ trang quản lý phục vụ phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5.2. Quỹ phòng thủ dân sự (Điều 40)

- Quỹ phòng thủ dân sự là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, được thành lập ở trung ương và cấp tỉnh để huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ hoạt động phòng thủ dân sự.

- Quỹ phòng thủ dân sự được ưu tiên thực hiện các hoạt động sau đây: (1) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu yếu phẩm thiết yếu khác cho đối tượng bị thiệt hại do sự cố, thảm họa gây ra; (2) Hỗ trợ tu sửa, làm nhà ở, cơ sở y tế, trường học tại địa điểm bị ảnh hưởng do sự cố, thảm họa gây ra.

- Quỹ phòng thủ dân sự được hình thành từ các nguồn tài chính sau đây: (1) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước; (2) Nguồn điều tiết từ các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có liên quan đến hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa.

7. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về phòng thủ dân sự

Luật quy định về nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự; trách nhiệm của các Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận về phòng thủ dân sự.

8. Điều khoản thi hành

8.1. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan đến phòng thủ dân sự (Điều 54)

Luật sửa đổi, bổ sung 08 Luật, gồm: (1) Luật Đê điều năm 2006 (đã được sửa đổi, bổ sung); (2) Luật Hoá chất năm 2007 (đã được sửa đổi, bổ sung); (3) Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung); (4) Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 (đã được sửa đổi, bổ sung); (5) Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung); (6) Luật Quốc phòng năm 2018; (7) Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (đã được

sửa đổi, bổ sung); (8) Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung).

8.2. Hiệu lực thi hành (Điều 55)

Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng TU, VP TU;
- UBKT Tỉnh uỷ;
- Các Ban của HĐND tỉnh, VPHĐND tỉnh;
- UBMTTQ& TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các DNNN thuộc tỉnh quản lý;
- Các DNNN trung ương đồng tại địa phương tương đương cấp tỉnh
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT STP, PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Lưu: XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền).

để
tuyên
truyền

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG